

Số: 53 /BC-KN

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình giá một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp tháng 5 năm 2024

Trong tháng 5/2024 (từ ngày 14/4 - 15/5), tình hình cung cầu thị trường nông sản trên địa bàn tỉnh có nhiều biến động so với tháng 4/2024. Cụ thể:

1. Sản phẩm rau, củ, quả

Tháng 5/2024, do thị trường tiêu thụ mạnh nên giá trung bình các loại nông sản như pò xôi, cà chua, củ dền, ớt sừng, đậu leo, hành lá, xà lách coron, su su... đều tăng so với tháng 4/2024, cụ thể: Pò xôi 25.000 đồng/kg, tăng 6.750 đồng/kg; cà chua 14.000 đồng/kg, tăng 5.750 đồng/kg; củ dền 5.600 đồng/kg, tăng 1.600 đồng/kg; ớt sừng 10.000 đồng/kg, đậu leo 14.000 đồng/kg, đều tăng 1.500 đồng/kg; hành lá 8.200 đồng/kg, tăng 1.200 đồng/kg; xà lách coron 6.800 đồng/kg, tăng 1.050 đồng/kg; su su 4.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg so với tháng 4/2024.

Ớt chuông Đà Lạt 27.600 đồng/kg, giảm 2.400 đồng/kg. Một số sản phẩm rau, củ, quả còn lại như cải bắp, cải thảo, su hào, súp lơ xanh, xà lách cuộn, xà lách lolo xanh... có giá tương đối ổn định so với tháng 4/2024.

2. Sản phẩm hoa

Tháng 5/2024, do thị trường tiêu thụ mạnh nên giá trung bình một số loại hoa Đà Lạt đều tăng so với tháng 4/2024, cụ thể: Hoa cúc chùm 10.200 đồng/bó, tăng 1.450 đồng/bó; hoa cúc cành 23.800 đồng/chục, tăng 3.300 đồng/chục; hoa hồng màu và hoa hồng đỏ Đà Lạt 12.600 – 14.600 đồng/chục, tăng 1.850 đồng/chục; hoa lily Sorbone và Concador 73.000 - 83.000 đồng/bó, tăng 1.750 đồng/bó; hoa cẩm chướng 27.600 đồng/bó, tăng 1.350 đồng/bó; hoa cát tường 66.000 đồng/kg, tăng 8.500 đồng/kg. Hoa đồng tiền 20.800 đồng/chục, giảm 3.200 đồng/chục; hoa lay on 28.800 đồng/chục, giảm 2.450 đồng/chục so với tháng 4/2024.

3. Sản phẩm cây công nghiệp

Tháng 5/2024, cà phê vối nhân xô (tại Bảo Lâm) trung bình có giá 113.760 đồng/kg, tăng 15.510 đồng/kg; cà phê vối nhân xô (tại Di Linh) trung bình có giá 114.460 đồng/kg, tăng 15.485 đồng/kg so với tháng 4/2024. Đầu tháng 5/2024, giá cà phê vối nhân xô từ 133.000 – 134.000 đồng/kg đã giảm mạnh xuống còn 95.000 – 96.000 đồng/kg (Nguyên nhân cơ bản khiến giá cà phê giảm mạnh đột ngột là do: Thứ nhất, hiện tượng El Nino gây khô hạn, làm tăng nguy cơ mất mùa cà phê thời gian qua tại các vùng trồng trên thế giới là Brazil và

Việt Nam về cơ bản đã kết thúc. Thứ hai, nguồn cung cà phê trên thế giới được cải thiện khi Brazil bắt đầu thu hoạch vào tháng 5, trong đó có giống cà phê Conilon - tương tự Robusta của Việt Nam. Trước đây, mỗi năm Brazil thu hoạch khoảng 18 triệu bao (60 kg/bao) cà phê Conilon và chủ yếu tiêu thụ nội địa, chỉ dành khoảng 2-3 triệu bao cho xuất khẩu. Nhưng năm nay, Brazil dự kiến thu hoạch trên 25 triệu bao Conilon nên lượng hàng xuất khẩu có thể lên đến 9-10 triệu bao (tương đương 540.000 - 600.000 tấn). Thứ ba, đầu cơ bán mạnh để thu tiền về sau quãng thời gian đầy không giá vừa qua. Cuối cùng là Tổ chức Cà phê thế giới (ICO) vừa công bố báo cáo cho thấy xuất khẩu cà phê toàn cầu tháng 3/2024 tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu vụ cà phê 2023-2024, xuất khẩu cà phê tăng 10,4%. Điều này cho thấy xuất khẩu cà phê toàn cầu vẫn tăng. Theo các chuyên gia nhận định, giá cà phê giảm có các nguyên nhân rõ ràng nên không bất thường và điều này đã được dự báo từ trước).

4. Sản phẩm chăn nuôi

Tháng 5/2024, giá lợn hơi trung bình có giá 61.600 đồng/kg, tăng 1.850 đồng/kg; kén tằm (Lâm Hà) 207.600 đồng/kg, giảm 12.900 đồng/kg; kén tằm (Đạ Tẻh) 153.000 đồng/kg, giảm 7.000 đồng/kg so với tháng 4/2024.

Sữa bò 13.000 đồng/kg, gà trống và gà mái hơi 60.000 – 65.000 đồng/kg,... giá ổn định so với tháng 4/2024.

5. Sản phẩm vật tư phân bón

Vào đầu mùa mưa (tháng 5/2024), một số sản phẩm vật tư phân bón tại huyện Lâm Hà như đạm Phú Mỹ, đạm SA Nhật, phân NPK... giá giảm so với những tháng trước đó, cụ thể: Đạm Phú Mỹ 550.000 đồng/bao, giảm 50.000 đồng/bao; đạm SA Nhật 350.000 đồng/bao, giảm 70.000 đồng/bao; phân NPK 16-16-8 700.000 đồng/bao, giảm 100.000 đồng/bao. Các sản phẩm vật tư phân bón còn lại đều có giá tương đối ổn định tại các huyện so với tháng 4/2024.

(Kèm theo Bảng giá một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng tháng 5 năm 2024).

Trên đây là báo cáo tình hình giá một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp tháng 5 năm 2024. Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng báo cáo để Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT (b/c);
- Chi cục CLCB&PTTT;
- Lưu VT, TTHL-HCTH.

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Trường

Bảng giá một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng tháng 5 năm 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 53 /BC-KN ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng)

STT	Mặt hàng nông sản và vật tư	ĐVT	Giá tuần từ 10/4 – 17/4	Giá tuần từ 17/4 – 24/4	Giá tuần từ 24/4 – 01/5	Giá tuần từ 01/5 – 08/5	Giá tuần từ 08/5 – 15/5	Giá trung bình tháng 5/2024
1	Cà chua thường (Rita)	Kg	8.000	8.000	10.000	22.000	22.000	14.000
2	Cải bắp	Kg	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
3	Cải thảo	Kg	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
4	Xà lách lolo xanh (Đơn Dương)	Kg	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
5	Xà lách cuộn	Kg	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
6	Hành lá	Kg	7.000	7.000	7.000	10.000	10.000	8.200
7	Su su	Kg	3.000	3.000	3.000	3.000	8.000	4.000
8	Su hào	Kg	6.000	6.000	6.000	6.000	7.000	6.200
9	Củ dền	Kg	4.000	4.000	4.000	8.000	8.000	5.600
10	Ớt sừng	Kg	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
11	Đậu leo	Kg	17.000	17.000	12.000	12.000	12.000	14.000
12	Xà lách coron (Đà Lạt)	Kg	5.000	5.000	8.000	8.000	8.000	6.800
13	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	30.000	30.000	22.000	28.000	28.000	27.600
14	Ớt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	30.000	30.000	22.000	28.000	28.000	27.600
15	Súp lơ xanh	Kg	12.000	12.000	15.000	15.000	18.000	14.400
16	Pó xôi	Kg	20.000	16.000	25.000	32.000	32.000	25.000
17	Sữa bò	Kg	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000
18	Lợn hơi (Lâm Hà)	Kg	60.000	61.000	61.000	63.000	63.000	61.600
19	Gà mái hơi (Lâm Hà)	Kg	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
	Gà trống hơi (Lâm Hà)		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
20	Kén tấm (Đạ Tẻh)	Kg	160.000	165.000	150.000	150.000	140.000	153.000
	Kén tấm (Lâm Hà)		215.000	218.000	200.000	195.000	210.000	207.600
	Kén tấm (Bảo Lâm)		200.000	190.000	190.000	190.000	190.000	192.000

